|  |
| --- |
|  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/04/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | Trang |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2-3 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 4 – 22 |
| Bảng cân đối kế toán | 4 – 5 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 6 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 7 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. | 8-22 |

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009 và thay đổi lần 3 số 0101971512 ngày 10/10/2014.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh

Trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà MIPEC, Số 229, P Ngã Tư Sở, Q Đống Đa, TP Hà Nội

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 15.000.000

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Vương Văn Ba Chủ tịch HĐQT

Ông Đỗ Danh Long Uỷ viên

Ông Ngô Tiến Hải Uỷ viên

Ông Nguyễn Quốc Việt Uỷ viên

Ông Trần Văn Kính Uỷ viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Mạnh Cường

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **Nguyễn Mạnh Cường**  **Tổng Giám đốc**  *Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2015* |  |  |

|  |
| --- |
| **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** |
| Tại ngày 30/06/2015 |

****

|  |
| --- |
| **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)** |
| Tại ngày 30/06/2015 |

****

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Mã  chỉ tiêu** | **TM** | **Quý này  năm nay** | **Quý này  năm trước** | **Số lũy kế từ đầu năm đến  cuối quý này (Năm nay)** | **Số lũy kế từ đầu năm đến  cuối quý này (Năm trước)** |
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | **15** | **53,706,306,929** | **54,238,539,027** | **64,801,050,345** | **56,991,039,027** |
| **2. Các khoản giảm trừ doanh thu** | **02** | **16** | **395,272,727** |  | **395,272,727** | **-** |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)** | **10** | **17** | **53,311,034,202** | **54,238,539,027** | **64,405,777,618** | **56,991,039,027** |
| **4. Giá vốn hàng bán** | **11** | **18** | **49,778,605,267** | **50,608,347,040** | **58,116,644,307** | **53,118,353,956** |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)** | **20** |  | **3,532,428,935** | **3,630,191,987** | **6,289,133,311** | **3,872,685,071** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 19 | 1,200,188,817 | 132,039 | 1,200,231,093 | 175,867 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 20 | 265,442,673 | 14,500,000 | 265,442,673 | 75,112,012 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 |  | 265,442,673 | 14,500,000 | 265,442,673 | 75,112,012 |
| 8. lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết |  |  | - | - | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 24 |  | 566,345,357 | - | 1,003,291,539 | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 |  | 477,562,487 | 531,995,131 | 966,676,152 | 315,483,046 |
| **11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}** | **30** |  | **3,423,267,235** | **3,083,828,895** | **5,253,954,040** | **3,482,265,880** |
| 12. Thu nhập khác | 31 |  | **-** | **-** | - | - |
| 13. Chi phí khác | 32 |  | **-** | **-** | - | - |
| **14. Lợi nhuận khác(40=31-32)** | **40** |  | **-** | **-** | - | **-** |
| **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)** | **50** |  | **3,423,267,235** | **3,083,828,895** | **5,253,954,040** | **3,482,265,880** |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 |  | 753,118,792 | 616,765,779 | 1,155,869,889 | 696,453,177 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |  | **-** | **-** | - | - |
| **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)** | **60** |  | **2,670,148,443** | **2,467,063,116** | **4,098,084,151** | **2,785,812,703** |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(\*) | 70 |  | **178** | **164** | **273** | **186** |
|  |  |  |  | **Lập, ngày 30 tháng 06 năm 2015** | | |
| **Kế toán trưởng** |  |  |  | **Tổng giám đốc** | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Nguyễn Nghĩa Trung** |  |  |  | **Nguyễn Mạnh Cường** | | |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**

****

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

***Tại thời điểm 30/06/2015***

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh ( sau đây viết tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009 và thay đổi lần 3 số 0101971512 ngày 10/10/2014.

Trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà MIPEC, Số 229 Tây Sơn, P Ngã Tư Sở, Q Đống Đa, TP Hà Nội

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng)

**2. Ngành nghề kinh doanh**

* Trồng rừng và chăm sóc rừng;
* Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
* Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
* Sản xuất sắt, thép, gang;
* Sản xuất linh kiện điện tử;
* Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
* Sản xuất thiết bị truyền thông;
* Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
* Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điề khiển điện;
* Sản xuất pin và ắc quy;
* Sản xuất dây cấp, sợi cáp quang học;
* Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
* Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
* Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
* Sản xuất đố điện dân dụng;
* Sản xuất thiết bị điện khác;
* Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay , ô tô, mô tô và xe máy);
* Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
* Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
* Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
* Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung;
* Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp;
* Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
* Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc nén khí;
* Sản xuất máy thông dụng khác;
* Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
* Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
* Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
* Sửa chữa máy móc, thiết bị;
* Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
* Sửa chữa thiết bị điện;
* Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải ( trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
* Sửa chữa thiết bị khác;
* Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
* Xây dựng công trình công ích;
* Lắp đặt hệ thống điện;
* Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
* Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
* Hoàn thiện công trình xây dựng;
* Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
* Bán buôn nông lâm nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
* Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
* Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
* Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
* Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
* Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán hóa chất cơ bản (Trừ hóa chát Nhà nước cấm); mua bán máy khí công nghiệp; buôn bán sản phẩm dệt may, vải sợi các loại; bán buôn, bán lẻ vật tư tiêu hao ngành y tế;
* Bán buôn tổng hợp;
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
* Quảng cáo;
* Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
* Cho thuê xe có động cơ;
* Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
* Giáo dục mầm non;
* Giáo dục tiểu học;
* Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
* Khai thác và thu gom than cứng;
* Khai thác và thu gom than non;
* Khai thác dầu thô;
* Khai thác khí đốt tự nhiên;
* Khai thác quặng sắt;
* Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
* Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
* Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
* Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
* Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
* Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
* Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn đồ ngũ kim, bán buôn vật liệu , thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
* Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); cung cấp thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp, điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp, giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế;
* Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
* Xây dựng nhà các loại;
* Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
* Phá dỡ;
* Chuẩn bị mặt bằng;
* Khai khác gỗ;
* Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
* Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
* Vận tải hành khách đường bộ khác;
* Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
* Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
* Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
* Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
* Tái chế phế liệu.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

* 1. **1. Niên độ kế toán**
  2. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
  3. **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**
  4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức: Nhật ký chung

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

***­*2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là toàn bộ chi phí nguyên vât liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được xác định theo ước tính chủ quan của Công ty.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  | Số năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 20 |
| Máy móc thiết bị | 03 - 12 |

**5. Nguyên tắc các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu Công nghệ mới Bắc Cạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Trong kỳ, Công ty chưa nhận được cổ tức nào từ khoản đầu tư dài hạn trên.

Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh vào Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Việt Phát, Công ty TNHH Phát triển giáo dục Nam Hà Nội với giá trị lần lượt là 40.000.000.000 VND, 60.000.000.000 VND. Công ty chưa nhận được lãi(lỗ) từ khoản đầu tư này.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác thực tế phát sinh nhưng đến 30/6/2015 chưa thanh toán hoặc chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao sang cho người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi, chênh lệch tỷ giá.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khoản chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tập Trung và Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**15. Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**16. Bên liên quan**

Các Công ty đầu tư là bên liên quan của Công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

****

**2. Phải thu khách hàng**

****

**3. Trả trước cho người bán**

****

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

****

**5. Hàng tồn kho**

****

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

****

**7. Các khoản phải thu dài hạn**

****

**8. Tài sản cố định hữu hình**

****

**9. Phải trả người bán**

****

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

****

**11. Chi phí phải trả**

****

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

****

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

****

**14. Nguồn vốn Chủ sở hữu**

****

**PHỤ LỤC 02 – BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**

**15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

****

**16. Các khoản giảm trừ**

****

**17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

****

**18. Giá vốn hàng bán**

****

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

****

**20. Chi phí tài chính**

****

**21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

****

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**1.1. Quản lý rủi ro**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của Cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

**1.2. Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.



**1.3. Công nợ tài chính**

****

**1.4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ**

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015 của Công ty

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu Báo cáo tài chính Qúy 1 năm 2015. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu Báo cáo tài chính Qúy 2 năm 2014.

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG**  **Nguyễn Nghĩa Trung** | Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2015  **TỔNG GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Mạnh Cường** |